



Phát triển sản và bảo vệ rừng ở Việt Nam: Thực trạng và ý nghĩa về chính sách

Báo cáo tọa đàm, ngày 17/07/2015

Tài trợ bởi:

MacArthur
Foundation



Báo cáo này tóm tắt các nội dung tham luận, thảo luận và khuyến nghị chính liên quan đến mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển cây sắn và bảo vệ rừng ở Việt Nam. Đây là kết quả của tọa đàm chính sách “*Phát triển sắn và bảo vệ rừng: Hiện trạng và ý nghĩa chính sách*” do Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) phối hợp cùng Tổ chức Forest Trends tổ chức ngày 17/07/2015 tại Hà Nội. Hơn 70 đại biểu, đại diện cho Hiệp hội sắn Việt Nam, Vụ Pháp chế, Cục Chế biến và Bảo quản Lâm sản, Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp (Bộ NN-PTNT), Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công nghiệp (Bộ Công thương), đại diện Bộ Tài chính, Sở NN-PTNT và Chi cục Lâm nghiệp các tỉnh Lào Cai, Điện Biên, Phú Thọ, Thanh Hóa, Nghệ An, các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế, cùng nhiều chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau và cơ quan báo chí truyền thông đã tham dự tọa đàm này.

Giới thiệu chung

Sắn là cây nông nghiệp truyền thống, nằm trong bốn loại cây lương thực quan trọng nhất ở Việt Nam. Trong những năm vừa qua vị thế của sắn đã thay đổi. Từ một cây lương thực sắn trở thành cây hàng hóa phục vụ thị trường nội địa (thức ăn chăn nuôi, cồn công nghiệp) và xuất khẩu. Năm 2014, tổng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm sắn đạt trên 1,1 tỉ USD và nằm trong top 10 sản phẩm nông lâm nghiệp có kim ngạch xuất khẩu cao nhất của Việt Nam.

Khác với các loại cây công nghiệp khác như cà phê, cao su, sắn được coi là cây của người nghèo bởi trồng sắn không kén đất, không đòi hỏi trình độ kỹ thuật canh tác cao, mức đầu tư thấp nên rất phù hợp với điều kiện kinh tế của người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Hiện sản xuất sắn vẫn mang hình thức quảng canh, quy mô nhỏ lẻ, chủ yếu do hộ gia đình. Tới nay đã có tới hàng trăm ngàn hộ gia đình trên cả nước trực tiếp tham gia vào khâu sản xuất sắn.

Nhu cầu của thị trường tiêu thụ các sản phẩm sắn và lợi ích từ chế biến, thương mại và sản xuất là động lực chính khiến diện tích sắn ở Việt Nam tăng nhanh, đặc biệt trong gần một thập kỷ gần đây. Năm 2014, diện tích sắn cả nước đạt 560.000 ha, cao hơn 2 lần so với diện tích năm 1999 (225.500 ha) và vượt xa con số 450.000 ha mà Chính phủ đặt ra. Thống kê cho thấy sản lượng sắn của Việt Nam vẫn tiếp tục tăng.

Trong điều kiện canh tác quảng canh, việc tăng sản lượng có nghĩa rằng các diện tích mới trồng sắn được mở rộng, và điều này tác động trực tiếp đến tài nguyên rừng. Ngành sắn phát triển đã thúc đẩy hình thành thị trường đất đai phục vụ sản xuất sắn. Điều này hình thành nguy cơ xâm lấn, xâm canh và chuyển đổi mục đích sử dụng rừng. Mở rộng diện tích sắn thường xảy ra ở các địa phương có tỷ lệ đói nghèo cao và đất rừng đang được quản lý bởi các tổ chức lâm nghiệp nhà nước. Tại một số địa phương, có bằng chứng cho thấy diện tích sắn đã vượt xa con số đề ra của các cơ quan quản lý và thậm chí không thể thống kê. Điều này đã và đang phản ánh những hạn chế trong chính sách và thực thi chính sách trong việc hạn chế mở rộng diện tích sắn. Thị trường và nhu cầu sinh kế của người dân là động lực chính cho việc gia tăng diện tích.

Bối cảnh phân tích trên đây đặt ra câu hỏi, nghi vấn về mối quan hệ hữu cơ tồn tại giữa phát triển sắn và bảo vệ rừng. Đây cũng là lí do Trung tâm Con người và Thiên nhiên cùng tổ chức Forest Trends tổ chức buổi tọa đàm *Phát triển sắn và Bảo vệ rừng: Hiện trạng và ý nghĩa chính sách*, với mục tiêu cụ thể:

- Đánh giá được thực trạng và xu hướng phát triển của ngành sắn trong tương lai;
- Định vị được tầm quan trọng của ngành sắn đối với tài nguyên rừng và sinh kế người dân;
- Thảo luận về các cơ chế, chính sách, biện pháp phù hợp

Buổi tọa đàm cũng tạo tiền đề để các ban ngành liên quan cùng ngồi lại, thảo luận về các ưu tiên của từng ngành; từ đó hướng tới giải pháp cân bằng lợi ích giữa phát triển sắn, bảo vệ rừng và sinh kế người dân.

Phát triển sản và bảo vệ rừng: Góc nhìn từ chính sách quốc gia, thị trường quốc tế và sinh kế người dân

TS. Tô Xuân Phúc, Chuyên gia phân tích chính sách, Forest Trends

Chính sách quốc gia, thị trường quốc tế và sinh kế người dân được xác định là ba hợp phần cơ bản tác động trực tiếp tới ngành sản của Việt Nam trong những năm gần đây. Những số liệu từ báo cáo ngành hàng của công ty AgroMonitor và báo cáo hội thảo thường niên của ngành sản, cùng những thông tin thu thập từ khảo sát thực địa tại Kon Tum và Tây Ninh với doanh nghiệp và người dân, được sử dụng như những cứ liệu quan trọng trong bài phân tích này.

Hợp phần thứ nhất, thị trường quốc tế, được cho là yếu tố tác động quan trọng nhất đối với sự mở rộng diện tích trồng sản, làm cho Việt Nam trở thành một trong những quốc gia sản xuất sản năng động nhất. Các sản phẩm sản được bán trên thị trường khá đa dạng với tốc độ tăng trưởng đạt 10-15%/năm về lượng, nhằm phục vụ cho nhu cầu nội địa (30%) và xuất khẩu (70%). Theo đánh giá của Công ty AgroMonitor và Hiệp hội sản Việt Nam thì thị trường thế giới đã và đang tác động trực tiếp đến ngành sản Việt Nam. Năng suất sản của Việt Nam liên tục tăng trong những năm qua, và hiện đạt khoảng gần 18 tấn/ha, giúp sản lượng hàng năm của Việt Nam đạt khoảng trên 10 triệu tấn sản củ tươi. Để đạt được năng suất và sản lượng như vậy, diện tích sản đã được mở rộng và tăng liên tục từ 237,6 ngàn ha năm 2000 lên 550,6 ngàn ha vào năm 2012, trong đó khu vực Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Bắc duyên hải miền trung là những khu vực sản trọng điểm. Hiện tại, Việt Nam có 94 nhà máy chế biến sản quy mô công nghiệp và thường hoạt động với công suất gấp 1.5-2 lần so với thiết kế ban đầu. Con số này chưa tính đến hàng nghìn cơ sở sản xuất, chế biến quy mô nhỏ lẻ khác. Thống kê của Cục Xuất nhập - khẩu (Tổng cục Hải quan) cho thấy, tổng giá trị sản và sản phẩm sản xuất khẩu của Việt Nam năm 2014 đạt 1.12 tỷ USD, trở thành một trong 10 sản phẩm nông sản xuất khẩu đạt giá trị cao nhất của Việt Nam. Ngoài xuất khẩu, Việt Nam cũng nhập khẩu tương đối lớn sản củ tươi và sản lát, chủ yếu từ Campuchia để phục vụ sản xuất chăn nuôi và cồn nhiên liệu.

Hợp phần thứ hai, sản và vai trò với sinh kế hộ gia đình. Hiện tại, canh tác sản theo hình thức quảng canh vẫn phổ biến ở Việt Nam như là một sinh kế truyền thống, nhất là ở các tỉnh khu vực Tây Nguyên. Theo đó, người dân tập trung mở rộng diện tích và đầu tư sức lao động thay vì thâm canh, cải tiến kỹ thuật và chuyển đổi giống.

Nguồn gốc đất trồng sản có thể được xác định từ 03 nguồn chính: đất lâm nghiệp (đất rừng của các công ty lâm nghiệp và các ban quản lý rừng); đất rừng và nương rẫy cũ của hộ hoặc đất màu, đất chuyển đổi từ các loại cây khác (thường xảy ra ở những vùng thâm canh sản). Tuy nhiên, con số chính thức về các loại đất và diện tích đang được sử dụng để trồng sản từ các nguồn khác nhau vẫn chưa được thống kê.

Canh tác sản đóng vai trò khác nhau tại các địa phương. Nhiều khu vực thâm canh sản (đầu tư giống lai, phân bón) trên các diện tích màu mỡ hoặc chuyển từ đất trồng các loại cây khác đã mang lại năng suất và sản lượng cao. Với các khu vực này, người dân trồng sản để làm giàu nên sản chiếm vai trò chủ đạo so với các loại cây trồng khác ở địa phương. Ở cấp độ khác, sản được trồng

xen cùng các loại cây trồng khác trên các diện tích đất rừng đã được giao và diện tích đất nương rẫy cho hộ gia đình. Với trường hợp này, sản tạo thêm nguồn thu cho hộ gia đình. Trường hợp thứ ba, dễ gặp nhất ở khu vực Tây Nguyên, khi sản là nguồn sinh kế chính của người dân địa phương. Sản được trồng trên đất rừng, đất rẫy cũ với trình độ thâm canh thấp, năng suất, sản lượng thấp. Thực trạng mở rộng diện tích sản quan sát được cho thấy thường xảy ra ở những khu vực rừng tự nhiên, bao gồm cả rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, trên các lâm phần do cả chủ rừng nhà nước (như công ty lâm nghiệp, các ban quản lý rừng), UBND xã quản lý và cả khu vực đã giao cho hộ gia đình. Tình trạng xâm lấn, xâm canh rừng tự nhiên để canh tác sản xảy ra phổ biến và tăng nhanh ở những khu vực có tỷ lệ đói nghèo cao ở khu vực Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

Với những bằng chứng liên quan đến vai trò của sản đối với sinh kế người dân, cũng như nguồn gốc của đất trồng sản cho thấy mối quan hệ giữa việc tăng diện tích sản với tình trạng đói nghèo. Trong số 1,2 triệu hộ gia đình đang tham gia trồng sản hiện nay, có hàng trăm ngàn hộ đồng bào thuộc diện nghèo. Ngoài ra, mạng lưới tư thương hoạt động mạnh, cùng các cơ chế đầu tư sản xuất linh hoạt đã thúc đẩy sự mở rộng của diện tích sản, làm cho sinh kế này nhiều khi mang tính tự phát đã khiến cho chính quyền địa phương rất khó để kiểm soát được tình trạng phát triển theo hướng này của sản.

Hợp phần thứ ba là các chính sách liên quan đến phát triển sản và vùng nguyên liệu, liên doanh liên kết và cơ hội sử dụng trong chế biến nhiên liệu sinh học. Theo các VBQPPL liên quan đến sản, chủ trương của nhà nước hiện nay luôn theo hướng tăng cường thâm canh và hạn chế diện tích trồng sản, “[...]nhiều nơi nông dân tự ý phát bỏ mía trồng sản...đã quy hoạch trồng rừng... ở Tây Nguyên đang diễn ra tình trạng phá rừng trái phép để trồng sản... tác động xấu đến môi trường... nguy cơ vượt cầu” do đó cần “hạn chế tối đa việc mở rộng diện tích sản, đặc biệt cần đẩy mạnh tuyên truyền, thuyết phục nông dân không tự trồng sản, tự phát triển các khu vực đã quy hoạch cây trồng khác, hoặc các diện tích có độ dốc lớn”, “cần tăng cường kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp phá rừng trồng sản”. (Chỉ thị 1140/CT-BNN-TT năm 2008 về phát triển cà phê, cao su, sản bền vững). Theo đó, cần “Ổn định diện tích sản 450 ngàn ha vào năm 2020, sản lượng khoảng 11 triệu tấn... sử dụng đất có đất có độ dốc dưới 15°, tầng dày trên 35 cm... để sản xuất.” (Quyết định số 124/QĐ-TTg (2012)). Tuy nhiên, trên thực tế, diện tích này đã bị vượt xa, tới 110.000 ha, và tại một số địa phương, tình hình gia tăng diện tích sản đang rất khó kiểm soát.

Các chỉ đạo về liên doanh, liên kết giữa các khâu trong ngành sản. cũng được chú ý “Hợp tác liên kết giữa nông dân...doanh nghiệp...thực hiện bằng các hợp đồng cung cấp dịch vụ đầu vào gắn với sản xuất, tiêu thụ và chế biến nông sản...” (Quyết định 62/2013/QĐ-TTg (2013)). Nhưng thực tế lại cho thấy, sự liên kết tương đối lỏng lẻo. Chỉ có 26% số nhà máy có kết nối với vùng nguyên liệu, số còn lại gần như không có vùng nguyên liệu. Điều này có nghĩa là sản đang phát triển tương đối nóng và chạy theo thị trường.

Một hướng phát triển mới đó là sử dụng sản nguyên liệu cho sản xuất nhiên liệu sinh học như xăng E5. Theo quyết định số 177/2007/QĐ-TTg (2007), “Quy hoạch và phát triển các vùng nguyên liệu....(sản)....để sản xuất nhiên liệu sinh học” tiến tới “đến năm 2010, xây dựng và phát triển được các mô hình sản xuất thử nghiệm và sử dụng nhiên liệu sinh học...bảo đảm đáp ứng 0.4% nhu cầu

xăng của cả nước”. Kế hoạch này khiến lượng sản cần đưa vào sản xuất xăng sinh học sẽ tăng lên. Theo ý kiến của Bộ Công thương, “diện tích sản cần lên đến 650.000 – 700.000 ha” trong những năm tới. Con số này cho thấy nhu cầu của riêng ngành này đã vượt xa con số diện tích sản trong quy hoạch.

Những phân tích trên đây cho thấy một ngành sản phát triển kém bền vững, thiếu liên kết và ẩn chứa nhiều rủi ro. Một trong những rủi ro đó là **những tác động (chưa xác định được) đối với tài nguyên rừng và đất rừng**. Động lực thị trường, cùng một số chính sách đơn ngành có thể sẽ thúc đẩy khả năng mở rộng diện tích trồng sản; từ đó, dẫn tới tình trạng xâm lấn, xâm canh vào đất rừng để có đất trồng sản; và nguy cơ xung đột xảy ra giữa chính sách phát triển sản và các nỗ lực bảo vệ rừng hiện nay. Hơn thế nữa, với vai trò là nguồn sinh kế quan trọng của người nghèo và đồng bào dân tộc, phát triển sản có thể sẽ là rủi ro lớn ảnh hưởng tới hiệu quả thực hiện của các chương trình, sáng kiến mới đang được vận hành hiện nay như: chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Sáng kiến giảm phát thải khí nhà kính do mất rừng và suy thoái rừng (REDD+), hay các chương trình trồng rừng và phát triển nguyên liệu gỗ... Đây mới chỉ dừng lại là những suy luận, dự báo rủi ro. Trong bối cảnh hiện tại, chúng ta cần nhiều bằng chứng hơn nữa để có thể nhận định chính xác về mối quan hệ, có thể là “đôi nghịch”, giữa việc mở rộng diện tích sản và tác động của nó đến tài nguyên rừng.

Phân tích này cũng đặt ra câu hỏi về những điều chỉnh cần thiết trong cơ chế chính sách. Cần xác định mối quan hệ và vị thế của ngành sản trong sinh kế người dân và bảo vệ rừng; các quy hoạch và quá trình thực hiện quy hoạch ở cấp trung ương và địa phương cũng cần được điều chỉnh; mối quan hệ, liên kết đa ngành, đặc biệt giữa ngành công thương và lâm nghiệp cần phải được điều chỉnh, nhằm hài hòa lợi ích của từng bên; liên kết doanh nghiệp và người trồng sản cũng cần điều chỉnh cùng với mục tiêu thay đổi hình thức canh tác, tập trung cải tiến giống, nâng cao trình độ canh tác và từ đó tăng cao giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị ngành sản.

Phát triển sản và bảo vệ rừng: Những bằng chứng thực tế về mối quan hệ bất hòa (!)

Nguyễn Hải Vân, Nguyễn Xuân Lãm và Nguyễn Việt Dũng, Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Những năm gần đây, Việt Nam chứng kiến dịch chuyển mạnh mẽ của cây sắn từ một cây lương thực truyền thống, đóng vai trò xóa đói giảm nghèo thành cây hàng hóa, mang lại thu nhập cho người dân, đặc biệt là các hộ gia đình nghèo. Tuy nhiên, mô hình sản xuất sắn vẫn còn nhiều hạn chế, khi tập trung vào hình thức canh tác sắn quảng canh, nhỏ lẻ theo quy mô hộ gia đình; và chịu sự chi phối quá sâu của yếu tố thị trường. Bằng chứng về sự tăng, giảm diện tích sắn theo nhu cầu và giá thị trường; cũng như tình trạng diện tích sắn vượt quá quy hoạch diện tích (trong quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp) tới hơn 110.000 ha, đã minh chứng cho các nhận định này. Với những đặc điểm như vậy, ngành sắn Việt Nam đang được đánh giá là kém bền vững, khó kiểm soát và ẩn chứa nhiều rủi ro.

Trước bối cảnh như vậy, giả thuyết về một mối quan hệ trái chiều giữa phát triển sản, sinh kế của người dân và các nỗ lực bảo vệ, phát triển rừng đặc đặt ra. Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature), thông qua các chuyến khảo sát thực tế, đã cố gắng đi tìm câu trả lời cho giả thuyết này. Bốn địa điểm nghiên cứu đã được xác định đều là những khu vực có diện tích sắn và rừng tự nhiên cao ở Việt Nam: (i) Khu vực Bắc Trung Bộ: tỉnh Nghệ An với nghiên cứu điểm tại xã Hạch Dịch, Đồng Văn và Tiên Phong, huyện Quế Phong (khu vực thuộc vùng đệm của KBTTN Pù Hoạt); (ii) Khu vực Tây Nguyên: tỉnh Kon Tum với hai nghiên cứu điểm là xã Sa Sơn, huyện Sa Thầy (thuộc vùng đệm của VQG Chư Môn Ray) và xã Hiếu, huyện Kon Plong (khu vực đang diễn ra dự án REDD+ Quỹ carbon cộng đồng); (iii) Khu vực duyên hải Nam Trung Bộ: tỉnh Bình Thuận với nghiên cứu điểm tại xã Đức Thuận và Suối Kiết, huyện Tánh Linh (thuộc vùng đệm KBTTN Núi Ông).

Những phát hiện chính về những tác động chính của sự phát triển cây sắn và tài nguyên rừng và đất rừng được tổng hợp trong phần dưới đây.

Thứ nhất, động lực của thị trường và nhu cầu sinh kế của người dân đã dẫn tới nhu cầu mở rộng diện tích canh tác tăng cao. Trong bối cảnh hầu hết các quy hoạch sử dụng đất đã ổn định, rừng và đất rừng trở thành các đối tượng dễ bị tổn thương nhất bởi các hoạt động xâm canh, xâm lấn, mở rộng diện tích để trồng sắn. Hiện tại, chưa có con số thống kê chính thức về tổng diện tích rừng và đất rừng đang bị xâm lấn bởi sắn trên toàn quốc. Tuy nhiên, qua các chuyến khảo sát, những bằng chứng thực tế đã đưa ra một hiện trạng đáng quan ngại.

“Trường hợp người dân làng Ba Rờ Gốc, xã Sa Sơn, huyện Sa Thầy (Kon Tum) có trên 150 hộ đồng bào Ja Rai ở sát vùng lõi Vườn Quốc Gia Chư Môn Ray liên tục mở rộng diện tích trồng sắn, lấn cả vào vùng lõi của VQG”

“Từ 2007 – 2012, gần 20 km quốc lộ 24 và đường Hồ Chí Minh đi qua xã Hiếu (huyện Kon Plong, Kon Tum) nương sắn hai bên đường. Nhiều trường hợp người dân đã bị kiểm lâm và chính quyền địa phương xử phạt vì phá rừng lấy đất trồng sắn”

Có thể thấy, các đối tượng rừng bị tác động ở đây chủ yếu là đất rừng tự nhiên, do UBND các xã hay công ty lâm nghiệp quản lý, thậm chí còn xảy ra ở các diện tích RPH/RĐD do các ban quản lý rừng

đang chịu trách nhiệm. Lực lượng kiểm lâm, chính quyền địa phương, hay các đội tuần tra bảo vệ rừng khác, gần như “bất lực”, không thể xử lý được tình trạng này. “Sau 1 tuần nghỉ Tết nguyên đán 2009, tôi quay lại xã Hiếu và kinh ngạc khi thấy gần 10 km rừng tự nhiên dọc hai bên quốc lộ 24 cơ bản đã bị phát trắng để chuẩn bị canh tác sắn. Không bắt được tận tay, không thể đem cả cộng đồng xử phạt được. đành chấp nhận khi sự đã rồi”, chia sẻ của đại diện kiểm lâm địa bàn xã Hiếu, huyện Kon Plong.

Thứ hai, sắn đang đóng vai trò tiên phong trong diễn thế “mất rừng” lấy đất sản xuất ở nhiều địa phương. Ban đầu là rừng, người dân bắt đầu phát, đốt xâm canh vào. Mỗi ngày họ phát vài trăm mét, từ trong ra ngoài để tránh sự phát hiện của kiểm lâm. Sau khi phát, đốt, họ lựa chọn sắn trồng ở đây, bởi đây là loại cây dễ trồng, dễ thích nghi và chi phí thấp. Sau một thời gian ngắn, các diện tích rừng này trở thành các nương sắn. Dù có bị kiểm lâm phát hiện thì cũng không thể xử lý được trong giai đoạn này nữa. Tình hình này thậm chí còn trở nên khó khăn hơn ở những địa phương có chính sách hỗ trợ khai hoang đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số. Sau một vài năm, thậm chí ngắn hơn, các diện tích này được sang nhượng cho chủ khác, để phục vụ trồng hoặc là sắn hoặc là các cây công nghiệp khác như cao su, cà phê, hay thanh long...Rõ ràng, sự xâm lấn của sắn vào rừng, không phải là một quá trình chuyển đổi diện tích lớn, ò ạt như với trường hợp của cao su, cà phê trước đây, mà là một quá trình diễn biến từ từ, chậm chạp. Qua nhiều năm, nếu được thống kê và tính toán cụ thể, diện tích rừng biến mất chắc hẳn sẽ là con số không nhỏ.

Trường hợp KBTTN Núi Ông là một ví dụ điển hình: trong vòng 10 năm, 2.218.73 ha rừng sản xuất và rừng đặc dụng thuộc ranh giới KBTTN Núi Ông biến mất ngay trước mắt kiểm lâm, mà nguyên nhân chính được xác định là do hiện trạng xâm lấn, xâm canh lấy đất sản xuất của các hộ gia đình địa phương. Đây cũng là nguyên nhân chính, khiến cho 11.000 ha tiểu khu Biển Lạc, cũng thuộc KBTTN Núi Ông trước đây, buộc phải cắt bỏ ra khỏi ranh giới bởi những tác động không thể hồi phục.

Tại sao một diện tích lớn như vậy bị tác động và biến mất mà trong suốt một thời gian dài không ai phát hiện ra? Phải chăng là do chưa nhìn nhận và đánh giá đúng nhưng tác động từ sự phát của sắn có thể mang lại?

Phát hiện thứ ba, lại xoay câu chuyện sang một hướng khác khi thị trường không phải là nguyên nhân chính đẩy diện tích sắn tăng lên. Với các trường hợp này, tác động của các dự án phát triển hoặc mất đất sản xuất cho các loại cây công nghiệp (điển hình là cao su) đã dẫn tới tình trạng khan hiếm đất sản xuất. Và đây là nguyên nhân chính buộc người dân địa phương phải dịch chuyển về phía rừng, xâm lấn đất rừng để có đất canh tác, và cây sắn được lựa chọn để bảo đảm sinh kế cho hộ. Trường hợp này, không chỉ dừng lại ở việc phát triển cây sắn ò ạt, mà mở rộng ra là những câu chuyện về quy hoạch sử dụng đất và đảm bảo sinh kế của người dân, đặc biệt là người nghèo.

Trường hợp tại xã Hạch Dịch, Đồng Văn và Tiền Phong (huyện Quế Phong, Nghệ An). 150 hộ dân người Thái tái định cư của thủy điện Hòa Na về địa bàn 3 xã này. Theo nguyên tắc thì thủy điện Hòa Na và UBND các xã phải chuẩn bị quỹ đất sản xuất cho dân. Tuy nhiên 3 năm, những hộ gia đình này vẫn không có đất sản xuất. Họ vẫn phải sống phụ thuộc và nguồn hỗ trợ của các thủy điện Thực tế, khả năng sắp xếp quỹ đất cho các hộ gia đình này gần như bằng không, bởi như trên địa bàn xã Tiền Phong, hiện đã dành 1800 ha quy hoạch để trồng cao su theo quyết định của UBND tỉnh. Nguyên nhân này, khiến người dân không còn lựa chọn nào khác ngoài việc buộc phải xâm lấn vào rừng để có đất canh

tác. Theo ước tính của BQL KBTTN Pù Hoạt, khả năng rừng bị chuyển đổi (hợp pháp và bất hợp pháp) sang bổ sung quỹ đất sản xuất nông nghiệp sẽ khoảng 150-300 ha. Với một KBTTN thì diện tích này không phải là con số nhỏ.

Thứ tư, được coi là hệ lụy của quá trình phát triển của sản kể trên, đó là những xáo trộn về mặt xã hội trong hệ thống quan niệm về giá trị đất đai, về quyền tiếp cận, sử dụng và hưởng lợi đối với rừng và đất rừng tại một số vùng.

Sự hình thành thị trường đất đai phục vụ sản xuất, đặc biệt là đất cho các loại cây hàng hóa như sắn, cao su, thanh long, cà phê... trong đó đồng bào dân tộc thiểu số trở thành nguồn cung cấp đất chính cho thị trường này. Đây cũng cũng là một hệ lụy từ các chính sách hỗ trợ khai hoang đất sản xuất cho các hộ gia đình dân tộc thiểu số. 150 – 200 triệu/ha, là giá đất rẫy hiện tại ở xã Đức Thuận, huyện Tánh Linh (Bình Thuận). Lợi nhuận cao, đã đẩy tình trạng khai hoang đất rừng ồ ạt xảy ra. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra, tại sao các nhà đầu tư tư nhân lại sẵn sàng bỏ tiền đầu tư trên một mảnh đất bất hợp pháp như vậy? Phải chăng, do những rào cản, vướng mắc và hạn chế về quy trình và chế tài xử lý không được (hoặc không thể) thực hiện được?

“ Một hệ lụy khác là tình trạng xung đột, mâu thuẫn về quyền sử dụng đất giữa các bên liên quan. Như tình trạng chông lẩn, không rõ ràng về ranh giới đối với 163 ha diện tích rừng VQG Chư Mon Ray và các hộ dân thôn Ba Rờ Gốc, xã Xa Sơn. Người dân địa phương cần đất để canh tác sắn, trong khi BQL VQG với vai trò quản lý, bảo vệ rừng, không thể để điều này xảy ra trong phạm vi ranh giới của mình. Tình trạng này ngày một căng thẳng bởi những xung đột lợi ích giữa các bên.”

Phát hiện thứ năm, là một khía cạnh khác nữa trong mối quan hệ giữa sắn, sinh kế và tài nguyên rừng. Khi sắn đóng vai trò quan trọng đối với sinh kế hộ, nhưng những can thiệp bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và sự chuyển hướng đột ngột của sinh kế này sang các hoạt động dự án bảo vệ rừng, mà không có những bước đệm thay thế, đã khiến người dân địa phương phải đối mặt với tình thế “tiến thoái lưỡng nan”. Tình trạng này, ngày càng trở nên phổ biến hơn, khi Việt Nam đang triển khai thực hiện các sáng kiến tài chính mới trong ngành lâm nghiệp, như chi trả DVMTR và REDD+ carbon, hi vọng thu nhập từ hoạt động này có thể bù đắp thay thế sinh kế sắn.

Trường hợp nghiên cứu điển hình tại xã Hiếu (huyện Kon Plong, Kon Tum) minh chứng rõ nét cho những nhận định này. Sinh kế cây sắn hàng hóa đóng vai trò quan trọng đối với người dân địa phương, 30-50% thu nhập hàng năm của họ. Khi dự án REDD+ được triển khai ở đây từ năm 2011, các hoạt động ảnh hưởng đến rừng đều bị ngăn cấm hoặc hạn chế tối đa.

Từ những nghiên cứu trên đây, nhóm nghiên cứu cũng đưa ra một số vấn đề lớn cần thảo luận:

- Có thể bảo vệ được rừng tự nhiên còn lại trước sức ép của việc mở rộng diện tích các cây hàng hóa, cây sắn?
- Vai trò của lực lượng thực thi bảo vệ rừng trước sự xâm lấn này? Làm thế nào để ngăn chặn được tình trạng này? Câu chuyện về luật pháp và thực thi luật pháp.
- Chính sách liên quan: quy hoạch phát triển rừng, quy hoạch sử dụng đất, hay quy hoạch phát triển sắn nên được điều chỉnh như thế nào?

Phát triển sản, sinh kế người dân và tài nguyên rừng: Trao đổi từ các bên liên quan

Ông Nghiêm Minh Tiến, Phó chủ tịch thường trực Hiệp hội sản Việt Nam

Trong phần chia sẻ của mình, ông Nghiêm Minh Tiến phân tích sâu thêm về mối quan hệ giữa ngành sản và vấn đề bảo vệ rừng từ những khía cạnh về xu thế, thị trường và sinh kế người dân. Ảnh hưởng của sản đến rừng hiện nay chưa có nghiên cứu cụ thể, do đó, chưa thể chắc chắn rằng diện tích sản tăng lên sẽ tương đương với diện tích rừng giảm xuống. Ở nhiều địa phương như Phú Yên, Bình Định...diện tích sản tăng là do chuyển đổi diện tích trồng một số loại cây khác kém hiệu quả hơn, Chính vì vậy, theo ông Tiến, cây sản không có tội. Xu thế và nhu cầu thị trường phát triển mạnh cũng chỉ là những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến sự gia tăng diện tích trồng sản trên cả nước. Vấn đề cốt lõi nằm ở khía cạnh liên quan đến sinh kế người dân. Người dân sống dựa vào rừng, nhưng lại không thể sống bằng nghề rừng; trong khi ngành sản phát triển và hứa hẹn đem lại nguồn thu cho cuộc sống của họ. Do đó, người dân lựa chọn trồng sản và mở rộng diện tích sản là tất yếu.

Trước khi thảo luận về vấn đề trọng tâm của Tọa đàm, cần xem xét và nắm được những thông tin chung về nhu cầu và xu thế phát triển của ngành sản hiện tại. *Đầu tiên là về xu thế*, theo nghiên cứu của Tổ chức Nông lương Thế giới (FAO), cây sản là cây lương thực quan trọng với trên 500 triệu người trên toàn thế giới và sẽ là cây của thế kỷ 21. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của cây sản với tư cách là một loại cây trồng lương thực quan trọng của tương lai. Phân bố của cây sản trên thế giới trước đây tập trung chủ yếu ở các quốc gia Châu Phi; nhưng hiện tại, đã mở rộng sang các nước Châu Á như Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan và Việt Nam. Việt Nam cũng được đánh giá là quốc gia có ngành sản phát triển năng động và là một trong những quốc gia cung cấp sản phẩm sản quan trọng của thế giới, dù sản lượng hiện nay vẫn thấp (17 tấn/ha) hơn so với các quốc gia như Thái Lan (22 tấn/ha) hay Ấn Độ (25-30 tấn/ha). *Thứ hai về nhu cầu*. Hiện nay, Trung Quốc là thị trường tiêu thụ sản lớn nhất thế giới. Hai nước xuất khẩu sản nhiều nhất vào Trung Quốc là Thái Lan (9 triệu tấn/năm) và Việt Nam (khoảng hơn 3 triệu tấn) mới cung cấp được khoảng 30% nhu cầu của thị trường này. Đối với Việt Nam, thị trường Trung Quốc là thị trường lớn nhất và tiềm năng nhất bởi những thuận lợi về vị trí địa lý và tập quán kinh doanh, hiện chiếm 85% tổng sản lượng xuất khẩu của Việt Nam. Nhu cầu sản trong nước chủ yếu từ các ngành: chăn nuôi (2.6 triệu tấn/năm) và nhu cầu phát triển sản xuất xăng E5 (khoảng 5 triệu/năm). Rõ ràng, nhu cầu cao của thị trường trong nước và xuất khẩu đã tạo tín hiệu, động lực cho người nông dân sản xuất sản.

Xu thế và nhu cầu này đặt ra câu hỏi về tác động của sự phát triển của loại cây này trong thực tế, nhất là đối với đối tượng rừng/đất rừng như chủ đề của Tọa đàm. Tuy nhiên, khi phân tích mối quan hệ này, cần tập trung ở nhiều khía cạnh khác nhau. Xu thế và nhu cầu của thị trường về sản là khách quan, chúng ta không thể tác động. Chúng ta cũng không thể đổ lỗi rằng tình trạng mất rừng hoàn toàn là do sản bởi ngoài sản, còn có nhiều loại cây trồng khác như cà phê, cao su...còn tạo sức ép lớn hơn. Khía cạnh quan trọng, nhưng hiện chưa được phân tích và tìm hiểu sâu, là vấn đề liên quan đến sinh kế người dân. Tốc độ tăng dân số cao, đặc biệt là tình trạng di dân ồ ạt của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc vào Tây Nguyên, cũng đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên, bằng chứng nghiên cứu về khía cạnh này hiện còn chưa đầy đủ. Chúng ta cần phải giải mã được nhu cầu

sinh kế của người dân cũng như các lựa chọn canh tác của họ. Người dân được gì trên mảnh đất, mảnh rừng mà họ đang sinh sống? Thực tế có thể khẳng định, dù Việt Nam có rất nhiều chính sách liên quan đến quản lý, bảo vệ rừng nhưng người dân, hiện nay, không thể sống được bằng nghề rừng: sản phẩm dưới tán rừng không có nhiều, sản phẩm rừng làm ra phải cần một chu kỳ rất dài (rừng trồng 7 năm)... Trái ngược lại, ngành sản hiện nay lại đang phát triển hoàn thiện, từ khâu đầu tư (theo NĐ 80 và 62) và các doanh nghiệp đã đổ đầu trên các chương trình như vậy, công nghiệp chế biến cũng đã tiếp cận với các vùng nguyên liệu chuyên sâu, chuỗi giá trị sản phẩm của tinh bột sắn cũng được nâng lên, các sản phẩm từ sắn được sử dụng đa dạng... Với những thuận lợi như vậy, người dân từng bước tiếp cận tốt hơn với các khâu của quá trình chế biến sắn: từ thị trường, đầu tư, chế biến, thanh toán, thương mại... và cây sắn đã từng bước mang lại những giá trị nhất định cho đời sống của người dân. Vậy đặt vào vị trí của người nông dân thì chúng ta sẽ lựa chọn sinh kế nào? Chính sách của chúng ta còn có quá nhiều khuyến khích từ đầu tư, trong quy hoạch, dân số nhất là chính sách quốc gia cho người nghèo, chưa hoàn thiện, chưa đủ, chưa đúng, chính sách quá hàn lâm, xa rời thực tiễn. Khả năng tiếp cận chính sách thấp. Trong điều kiện này, rõ ràng, việc lựa chọn trồng sắn của người dân là tất yếu.

Vậy, để giải quyết vấn đề đặt ra về mối quan hệ giữa sắn và rừng, giải pháp cần thiết phải xoay quanh trục về sinh kế từ rừng, làm sao để có thể thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo hiệu quả, nhất ở các khu vực gần rừng? *"Bản thân cây sắn không có tội"*, đó là kết luận của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Cao Đức Phát trong Hội thảo Phát triển Bền vững ngành Sắn thời gian vừa qua. Chỉ có người nghèo mới làm sắn, người giàu lại lợi dụng điều này để thực hiện "xâm chiếm" đất cho các kế hoạch trồng cây lâu năm hơn của họ, và dẫn đến tình trạng phá rừng. Bên cạnh các chính sách sinh kế cho người dân gần rừng; từ phía ngành sắn cũng có hai giải pháp chính nhằm giúp hạn chế những tác động không đáng có của sắn với rừng: (i) đảm bảo không mở rộng diện tích, tập trung nâng cao năng suất và chuyển hướng thâm canh và luân canh; (ii) tận dụng các diện tích đất còn lại, kể cả các loại đất trồng cây khác nhưng kém hiệu quả, có thể chuyển sang trồng sắn.

Ông Nguyễn Trí Ngọc, Nguyên Cục trưởng Cục Trồng trọt, Bộ NN&PTNT, Tổng Thư ký Tổng Hội Nông nghiệp Việt Nam

Theo ông Nguyễn Trí Ngọc, cần thay đổi nhận thức về cây sắn. Từ năm 2005, khi thảo luận về quy hoạch phát triển nông nghiệp, có rất nhiều ý kiến cho rằng, cây sắn là cây "tội đồ" cho những tác động tiêu cực về môi trường, như suy thoái đất hay phá rừng. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tư duy này cũng dần thay đổi khi cây sắn bắt đầu mang lại giá trị xuất khẩu cao, đạt 500 triệu USD vào năm 2010 và tăng dần trong những năm gần đây, trở thành một "cây tỷ đô". Theo dự báo, trong 5 năm tới, nhu cầu xuất khẩu sắn sẽ tăng 10-15% mỗi năm; số liệu này chưa kể để nhu cầu tiêu thụ trong nước. Chính vì vậy, hiện nay, cần thống nhất quan điểm về cây sắn, đó là cây hàng hóa, có giá trị kinh tế và phải khai thác, sử dụng nó đúng với ý nghĩa của một cây hàng hóa.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện tại với sự tổng hòa rất nhiều các vấn đề khác nhau như: lợi ích của người nghèo, mục tiêu bảo vệ rừng, việc thực hiện các đề án tái cơ cấu của ngành lâm nghiệp, trồng trọt nhằm đạt mục tiêu cuối cùng là tăng giá trị gia tăng, hay việc sụt giảm giá trị xuất khẩu của các mặt hàng nông sản khác, thì sắn nổi lên như một lựa chọn phù hợp. Sự phát triển này, do đó, sẽ dẫn tới 03 nguy cơ chính:

- *Nguy cơ phá rừng để trồng sắn:* Điều này là hiển nhiên, thực tế khách quan. Nhưng cũng phải có cái nhìn công bằng hơn bởi: (i) không phải chỉ có trồng sắn mới phá rừng, trồng nhiều loại cây khác cũng có tình trạng tương tự; (ii) sự phát triển của sắn hiện đang gắn với đối tượng người nghèo, những người thiếu đất sản xuất. Nhưng bản thân họ cũng không có tội khi họ phải đứng trước bài toán khó về sinh kế mà Nhà nước cũng chưa thể tháo gỡ.

Giải pháp: hiện nay, nhà nước vẫn chủ trương rừng, đất rừng là phải bảo vệ. Nếu coi rừng/đất rừng là tài nguyên, chỉ bảo vệ, khai thác và sử dụng thì người dân vẫn sẽ tiếp tục phá rừng để trồng các loại cây đem lại lợi ích kinh tế cao hơn. Do đó, cần thiết phải bảo vệ rừng/đất rừng nhưng gắn với việc tạo giá trị kinh tế trên đất rừng thì mới có hi vọng bảo vệ được. Hiện nay, quan điểm “đất rừng là đất kinh tế”, mang lại giá trị kinh tế vẫn chưa được quan tâm đến, nên cần được các cơ quan quản lý nhà nước cân nhắc trong thời gian tới.

- *Vai trò của quản lý nước trong câu chuyện phát triển ngành sắn:* Việt Nam có một hệ thống quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, khâu thực thi lại còn nhiều bất cập. Do đó, người dân vẫn tiếp tục khai thác rừng để đảm bảo sinh kế, mà không có chế tài phù hợp để giải quyết.
- *Bối cảnh kinh tế hội nhập:* Trong những năm gần đây, nhận thấy sự chuyển dịch sản lượng xuất khẩu sắn rõ rệt giữa các quốc gia. Thay vì xuất khẩu nhiều như trước đây, tỷ trọng xuất khẩu của Thái Lan giảm xuống, trong khi Việt Nam lại tăng lên, coi đó là cơ hội phát triển. Phải chăng, Việt Nam đang đứng trước rủi ro trở thành địa điểm nhận “những tác động môi trường tiêu cực”? Nguy cơ này là hiện hữu, đặc biệt trong năm 2015, khi VN đang trong quá trình đàm phán và tham gia các Hiệp định thương mại tự do và hội nhập cộng đồng kinh tế.

Giải pháp: (i) Tăng cường năng suất sản xuất sắn: Hiện nay, Việt Nam mới chỉ đạt khoảng 18 tấn/ha, còn thấp hơn rất nhiều so với các quốc gia Châu Á khác. Năng suất này xung không đồng đều trên phạm vi cả nước, như các tỉnh miền núi phía Bắc, năng suất chỉ đạt 12 – 13 tấn/ha), hay khu vực Tây Nguyên, Tây Ninh và Đông Nam Bộ có khi lên tới 80 tấn/ha. Do đó, cần xem xét đầu tư thay đổi giống và chuyển đổi biện pháp kỹ thuật canh tác từ quảng canh sang thâm canh, nhằm tăng cao năng suất nhưng không đòi hỏi việc tăng diện tích trồng; (ii) Hiện hầu hết các sản phẩm của cây sắn đều có thể chế biến và mang lại giá trị sản phẩm, nhưng các doanh nghiệp Việt Nam chưa chú ý đến. Đề xuất trong thời gian tới, tập trung khai thác toàn bộ dây chuyền trong chuỗi giá trị sắn, nhằm tăng cao giá trị kinh tế và hạn chế được các tác động môi trường do các sản phẩm thải loại trong quá trình sản xuất.

Bà Trần Ngọc Yến, Giám đốc Công Ty AgroMonitor

Từ góc nhìn của một nhà nguyên cứu thị trường, bà Yến cho rằng, các nghiên cứu liên quan đến tác động của ngành sắn đối với tài nguyên rừng và đất rừng, cần có thêm những đánh giá mang tính kinh tế và cần có một cái nhìn khách quan hơn: “Trên một diện tích đất hữu hạn, cần xem xét và ra quyết định chuyển đổi hay bảo vệ một cách hợp lý nhằm đảm bảo hài hòa các lợi ích nhưng vẫn đảm bảo mang lại giá trị lợi nhuận cao nhất”.

Bắt đầu từ những năm 2008, có sự chuyển dịch mạnh mẽ của sản từ một cây lương thực truyền thống trở thành một cây hàng hóa có giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ USD/năm. Trong một vài năm gần đây, trong bối cảnh các cây trồng khác như gạo, cao su không có được sự tăng trưởng như mong đợi thì cây sản lại vẫn đang phát triển rất tốt. Trong 06 tháng đầu năm 2015, Việt Nam đã xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản đạt sản lượng bằng cả năm 2014. Dự kiến, số liệu cụ thể xuất khẩu tinh bột sản và sản lát năm 2015 chắc chắn sẽ tăng so với năm 2014 (*thống kê của Cục Hải quan*). Liên quan đến giá trị cung - cầu sản, Việt Nam hàng năm còn tiêu thụ khoảng 1/3 sản lượng sản củ tươi của Campuchia, tương đương khoảng 3 triệu tấn.

Câu hỏi đặt ra hiện nay, trồng sản có thực sự đang mang lại lợi ích lớn hơn trồng rừng hay trồng các loại cây trồng khác? Ví dụ, như với tỉnh Tây Ninh và Tây Nguyên, năng suất sản hiện nay khá cao. Trung bình người dân sẽ thu lãi được khoảng 20 triệu/ha. Không tính đến các giá trị đa chiều khác (môi trường, kinh tế, xã hội), nhưng với lợi nhuận thu được như trên, thì đối với người dân, cây sản rõ ràng mang lại lợi ích kinh tế trước mắt hơn hẳn so với trồng rừng,

Thời gian gần đây, kết quả phân tích cũng chỉ ra rằng, xuất khẩu sản của Việt Nam đang chủ yếu tập trung ở thị trường Trung Quốc, với tỷ lệ 85-86%. Nhiều người cho rằng, hiện trạng này sẽ gây ra khá nhiều rủi ro và ảnh hưởng đến tính bền vững của ngành sản Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế thì đây không phải là vấn đề đáng quan ngại bởi sản lượng sản trong nước của Trung Quốc không thể đủ cho nhu cầu của ngành sản xuất thức ăn trong nuôi và sản xuất cồn, do đó, buộc họ phải nhập sản từ Việt Nam và Thái Lan; hơn nữa, Việt Nam không phải là nước duy nhất xuất khẩu lượng lớn sản sang Trung Quốc, Thái Lan cũng xuất khẩu gần như 100% sản lượng sản lát của họ, và con số này còn gấp 3 lần Việt Nam.

Liên quan đến triển vọng phát triển của ngành sản Việt Nam, trong bối cảnh tiêu thụ nội địa còn rất thấp (nhu cầu sản xuất thức ăn chăn nuôi không cao, các nhà máy cồn ethanol gần như không hoạt động) thì lợi nhuận từ xuất khẩu sản đóng vai trò quan trọng, đảm bảo sự tăng trưởng đều và bền vững của ngành này trong những năm gần đây.

Ông Lò Văn Chiêu, Phó Giám đốc Sở NN và PTNT tỉnh Điện Biên

Đầu tiên, phải khẳng định rằng cây sản là cây có giá trị kinh tế, tuy nhiên, hiện nay chúng ta chưa có nhìn nhận hay đối xử công bằng với loại cây này. Ngay như trong tiêu đề của Tọa đàm, khi đánh giá mối quan hệ giữa phát triển sản và bảo vệ rừng, chúng ta cũng đều nhìn nhận vấn đề theo những khía cạnh khá tiêu cực và chưa công bằng với cây sản. Tại sao chúng ta không đặt vấn đề ngược lại, phát triển sản và những tác động đối với bảo vệ rừng? Người dân nếu nghèo đói sẽ phá rừng để trồng sản. Nếu phát triển sản, đảm bảo sinh kế, có thể sẽ giúp giảm áp lực phá rừng, từ đó đóng góp cho những nỗ lực bảo vệ rừng?

Bình luận về các giải thuyết mà diễn giả đưa ra, "*Diện tích sản tăng thì diện tích đất rừng giảm?*" hay "*Cây sản là cây tiên phong phá rừng*", ông Chiêu cho rằng, trong thực tế các giả thuyết này không hẳn đúng. Ở Điện Biên, hay các tỉnh Tây Bắc nói chung, cây sản thường là cây cuối cùng của chu kỳ canh tác đất. Ngoài ra, diện tích sản tăng thường là do chuyển đổi từ các diện tích trồng các loại cây khác nhưng kém hiệu quả, hoặc các loại đất đã giảm độ phì nhiêu.

Đối với Điện Biên thì cây sắn chưa phát triển đến mức là cây hàng hóa chủ đạo như ở Tây Nguyên. Tuy nhiên, nếu Tây Bắc cũng có nhu cầu thị trường cao như vậy, thì chủ trương tỉnh Điện Biên cũng sẽ cho phát triển cây sắn.

Bên cạnh đó, ông Chiêu cho rằng, một trong những nguyên nhân khiến diện tích sắn của Việt Nam tăng ò ạt trong những năm qua là do năng lực quản lý quy hoạch của các cơ quan, chính quyền địa phương, *“Không thể đổ lỗi cho cây sắn. Nếu đã có quy hoạch, nhiệm vụ của các cơ quan, chính quyền địa phương là phải tổ chức thực hiện và kiểm soát. Nhưng hiện nay, có vẻ như năng lực còn thấp nên không thể kiểm soát nổi”*. Bên cạnh đó, liên quan đến mối quan hệ cung – cầu, nếu chỉ quản lý hoạt động canh tác sắn thôi chưa đủ, cần cần phải nắm bắt tình hình quy hoạch, cấp phép cũng như hoạt động của các nhà máy, cơ sở chế biến sắn trên địa bàn, từ đó có thể kiểm soát được sự phát triển của diện tích sắn.

Ông Nguyễn Đức Lâm, Phó Chi cục trưởng Chi Cục Lâm nghiệp tỉnh Lào Cai

Tỉnh Lào Cai là tỉnh giáp ngay tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Dù được coi là khá thuận lợi trong giao thương biên giới, nhưng Lào Cai vẫn còn 3 huyện 30A nghèo và trên 2/3 các xã thuộc diện khó khăn.

Tại Lào Cai, tình hình phát triển cây sắn trong thời gian qua cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Diện tích sắn ở Lào Cai tăng mạnh. Năm 2010, tỉnh Lào Cai xuất sang Trung Quốc 46390 tấn sắn tươi và 37810 tấn sắn khô; sản lượng xuất khẩu đạt 166.800, nghĩa là tăng lên gấp 3 lần vào năm 2012 (*số liệu Hải quan Lào Cai*). Hình thức canh tác sắn chủ yếu là quảng canh. Theo thống kê, diện tích trồng sắn hiện tại của Lào Cai là 9300 ha, trong đó có tới 6500 ha trồng sắn trên đất quy hoạch cho lâm nghiệp.

Trước hiện trạng này, chi cục Lâm nghiệp triển khai thực hiện rà soát đánh giá tình trạng phát triển sắn lấn chiếm đất rừng trên địa bàn tỉnh. 57 hộ gia đình tại 6 xã thuộc 6 huyện, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã được lựa chọn phỏng vấn. Kết quả cho thấy:

- 53/57 hộ gia đình được phỏng vấn đã trồng 86 ha sắn trên diện tích 191.2 ha đất lâm nghiệp được giao, trong khi chỉ có 43/57 hộ sử dụng đất lâm nghiệp được giao để trồng rừng, với diện tích 101 ha. Ngoài trồng trên đất lâm nghiệp của hộ, người dân còn trồng sắn trên các diện tích đất lâm nghiệp do các BQL rừng (09) và công ty lâm nghiệp (04) quản lý.
- Trồng sắn ở Lào Cai, chỉ đạt 12.1 tấn/ha (so với 17.6 tấn/ha). Trong 1 năm, thu nhập từ trồng sắn sau khi trừ hết các chi phí sẽ chỉ còn lại khoảng 7 triệu/ha. Trong khi, trồng rừng thì sau 7 năm sẽ thu được 14 triệu đồng/ha/năm.
- Nguyên nhân phá rừng và trồng sắn ở Lào Cai: (i) Mặc dù người dân cũng biết trồng rừng sẽ cho thu nhập cao hơn trồng sắn, tuy nhiên, trồng sắn lại sớm cho thu hoạch, vốn ít, kỹ thuật canh tác đơn giản; (ii) thị trường mua bán thuận lợi, giáp Trung Quốc các thương lái đến tận nương sắn thu mua từ trước khi thu hoạch. Theo số liệu của Hải quan, sản lượng sắn của Lào Cai mới chỉ đáp ứng 41% nhu cầu thu mua; (iii) Việc làm giàu từ

sản thông qua hoạt động của các cơ sở chế biến sản quy mô nhỏ cũng là một trong những yếu tố khiến ngành sản phát triển nhanh ở Lào Cai trong những năm qua; (iv) Quỹ đất sản xuất nông nghiệp khan hiếm. Những diện tích đất tốt, địa hình bằng phẳng đều được ưu tiên cho trồng lúa, ngô, nên quỹ đất cho trồng sản thiếu. Do đó, trong hơn 9000 ha trồng sản, có đến 6500 trồng trên diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp.

- Lào Cai hiện có 9 nhà máy chế biến sản, công suất trên 140.000 tấn nhưng không có cơ sở nào xây dựng vùng nguyên liệu.
- Giải pháp: (i) Tỉnh Lào Cai nằm trong vùng quy hoạch trồng sản các tỉnh Tây Bắc, nên trong những năm tới, dự kiến sẽ quy hoạch 6300 ha trồng sản và đẩy mạnh trồng sản thâm canh, quan tâm đến giống và kỹ thuật để tăng năng suất; (ii) Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ đất rừng: có xử lý điểm một số sự vụ phá rừng trồng sản nhằm mục đích tuyên truyền. Thực tế cũng cho thấy có hiệu quả; (iii) Đề án trồng rừng gỗ lớn thay thế diện tích trồng sản hai bên đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai (huyện Bảo Yên, Văn Bàn) đang được triển khai, dự kiến sẽ thay thế khoảng 3500 ha trồng sản.

Ông Phùng Văn Vinh, Chi cục trưởng Chi Cục Lâm nghiệp tỉnh Phú Thọ

Trước đây, Phú Thọ nổi tiếng rừng cọ, đồi chè và trồng sản. Tuy nhiên hiện nay, do định hướng phát triển của tỉnh cũng như quy luật tất yếu của thị trường, diện tích sản trên địa bàn tỉnh giảm dần, chỉ còn dao động xung quanh 7500 – 8000 ha. Con số diện tích và sản lượng sản, do đó, tương đối ổn định trong 5 năm gần đây.

Ngược với xu thế các tỉnh, ở Phú Thọ, diện tích sản lại giảm và diện tích rừng tăng lên trong những năm qua. Nguyên nhân một phần là nhờ các chương trình, dự hỗ trợ trồng, bảo vệ rừng (chương trình PAM, lâm nghiệp xã hội, chương trình 327, 661...) trên địa bàn, Nguyên nhân khác là do Phú Thọ lại nằm trong vùng trung tâm nguyên liệu giấy, nhu cầu cây keo và bạch đàn phục vụ công nghiệp giấy khá cao cũng là động lực thúc đẩy hoạt động trồng rừng ở đây. Ngược lại, đối với sản, diện tích co hẹp lại so với trước đây do ít được quan tâm, giống và kỹ thuật canh tác cũ, lạc hậu và giá bán không cao nên không đem lại hiệu quả kinh tế.

Từ góc nhìn của nhà quản lý, tỉnh Phú Thọ cũng mong muốn quản lý đất hiệu quả. Hiện nay, kinh tế hộ đã tương đối ổn định dựa vào nguồn thu từ rừng trồng, nên tỉnh cũng có chủ trương phát triển nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất. Hiện đã có đề án chuyển đổi 13000 ha rừng sản xuất sang đất nông nghiệp. Tuy nhiên, đối với quy hoạch sản, do không thấy có nhiều tiềm năng nên sắp tới Phú Thọ vẫn giữ ổn định diện tích sản hiện tại, không thay đổi.

Ông Nguyễn Trọng Nghĩa, Viện Chiến lược và Chính sách Công nghiệp, Bộ Công thương

- Tháng 2/2015, Cục trồng trọt và Viện nghiên cứu Nông nghiệp cũng đã công bố báo cáo đánh giá về vai trò của cây sản trong sản xuất nguyên liệu sinh học tại Việt Nam. Trong báo cáo này có những so sánh rất rõ ràng về giá trị kinh tế của sản với các loại cây trồng khác, từ cây ngắn ngày (mía, lúa, ngô, đậu tương...) và cả cây lâu năm. Đây cũng là nguồn tham khảo quan trọng cho các chuyên gia,

- Giả thuyết về mối quan hệ nghịch chiều giữa diện tích sản và rừng cũng cần phải có số liệu thực tế để chứng minh. Những câu hỏi về hiện trạng trồng sản đang trồng trên loại đất nào (đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp hay rừng) cũng cần được giải thích để có thêm bằng chứng cho nghiên cứu.
- Hiện trạng của các nhà máy cồn sinh học: Hiện VN có 07 nhà máy cồn sinh học, nhưng hiện chỉ có 1.5 nhà máy đang hoạt động (nhà máy cồn Tùng Lâm (Đồng Nai) đang hoạt động 100% công suất trong khi nhà máy Dung Quất chỉ còn hoạt động 50%).
- Phân tích thị trường: thị trường sản hiện nay rất biến động. Đối với loại hình chế biến sản xuất tinh bột sản thì sản xuất từ sản tươi, trong khi củ tươi chỉ có trong vài tháng, chính vì thế mới đưa ra đời các nhà máy tinh bột sản, tiêu thụ trong một thời gian vài tháng này. Điều này dẫn tới tình trạng cung nhiều hơn cầu và ngược lại ở những giai đoạn khác nhau trong năm và từ đó sẽ ảnh hưởng đến giá sản trên thị trường.

Ông Trần Đình Nhã, Viện Tư vấn Phát triển (CODE)

Giá trị kinh tế của sản đem lại cho các hộ gia đình, đặc biệt là các hộ nghèo đã được khẳng định. Tuy nhiên, sự phát triển sản hiện nay cũng có những mặt trái nhất định, cụ thể:

- Diện tích sản tăng lên phần lớn là lấn vào đất lâm nghiệp: Khu vực tái định cư thủy điện Lây Cơ (huyện Sa Thầy, Kon Tum). Năm 2006 có 1700 ha rừng tự nhiên, nhưng nay toàn bộ diện tích này được chuyển đổi sang trồng sản. Hay trường hợp dọc quốc lộ 24 qua xã Hiếu (huyện Kon Plong, Kon Tum), trong vòng 1 năm nua, hơn 1000 ha rừng đã bị mất để chuyển sang đất rẫy trồng sản. Tình trạng này vi phạm hai điểm trong Luật BVPT: chuyển đổi đất rừng và phá rừng tự nhiên.
- Vấn đề môi trường từ trồng sản: Trồng sản gây suy thoái đất là tác động rất nhiều người đã nói đến. Ngoài ra còn vấn đề khác liên quan đến việc sử dụng thuốc diệt cỏ để phá rừng, trồng sản. Điều này dẫn tới tình trạng nhiễm độc đất nghiêm trọng tại các khu vực trồng sản này.
- Xóa đói giảm nghèo là vấn đề trước mắt nhưng nếu như hiện nay, việc trồng sản để đảm bảo trước mắt nhưng sẽ phải trả giá lâu dài trong tương lai. Nghị quyết TW đảng đã khẳng định phát triển cần cân bằng kinh tế, văn hóa, môi trường nên chúng ta phải đảm bảo phát triển bền vững, không nên về lợi ích trước mắt mà quên đi mục tiêu lâu dài.

Ông Đoàn Diễm, chuyên gia lâm nghiệp

Rừng có hai mục tiêu quan trọng; Bảo vệ môi trường và mục tiêu kinh tế. Tuy nhiên, cần phải hài hòa hai mục tiêu này. Từ góc nhìn của người làm lâm nghiệp, ông Đoàn Diễm cho rằng, không thể chuyển đổi toàn bộ rừng sang làm kinh tế, nhất là trong thời điểm hiện nay, khi rừng ngày càng có vai trò quan trọng trong thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, hài hòa mối quan hệ giữa bảo vệ rừng với phát triển các loại cây trồng nông nghiệp cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Bình quân, diện tích đất nông nghiệp của các hộ gia đình Việt Nam không quá 0.5 ha. Đây là con số quá thấp, không thể đủ đảm bảo sinh kế.

Các quy hoạch hiện nay đều đi theo mục tiêu riêng, phục vụ lợi ích ngành, dù cả lâm nghiệp và nông nghiệp đều cùng trực thuộc Bộ NN-PTNT. Hơn nữa, các quy hoạch này thường được xây dựng không dựa trên cơ sở thực tiễn. Rừng và đất lâm nghiệp, thường là đối tượng ít được đầu tư nhất bởi không có nhiều những đóng góp về mặt kinh tế, nhưng lại chiếm diện tích tương đối lớn, 14 triệu ha, Ngược lại, quỹ đất của các ngành khác, trong đó có nông nghiệp đang gần như cạn kiệt. Do đó, tình trạng xâm lấn, chuyển đổi đất lâm nghiệp nhằm phục vụ phát triển và lợi ích của các ngành kinh tế khác là điều tất yếu.

Việc phát triển cây nông nghiệp, như sắn, nhằm đảm bảo sinh kế của người dân là hợp lý. Tuy nhiên, từ góc độ của người làm lâm nghiệp, không thể chuyển đổi hoàn toàn các diện tích này sang nông nghiệp được. Cần quy hoạch một diện tích lâm phận nhất định, không được phép xâm phạm; còn những diện tích khác còn lại có thể thực hiện phát triển trồng rừng kinh tế hoặc chuyển đổi nhằm bổ sung quỹ đất cho các ngành khác đang thiếu hiện nay.

Kết luận

Kết quả thảo luận tại Tọa đàm thống nhất một số điểm:

- Cây sắn hiện tại đã không còn là một cây lương thực truyền thống mà đã trở thành một cây hàng hóa, đóng vai trò quan trọng với phát triển kinh tế của quốc gia và cho sinh kế của người nghèo.
- Sự phát triển của sắn ở Việt Nam hiện nay phụ thuộc chủ yếu vào các yếu tố thị trường (khách quan) và lựa chọn sinh kế của các hộ gia đình (chủ quan).
- Diện tích sắn tăng lên và sử dụng quỹ đất từ nhiều nguồn khác nhau, như: đất nông nghiệp, đất trồng cây công nghiệp khác chuyển đổi sang,...nhưng cũng không phủ nhận được một diện tích khá lớn đất trồng sắn hiện nay có nguồn gốc từ đất lâm nghiệp.
- Diện tích sắn tăng lên và những tác động tiêu cực đối với rừng không còn là rủi ro mà đã trở thành thực tế hiện hữu tại nhiều địa phương.

Tọa đàm *Phát triển sắn và bảo vệ rừng: Thực tiễn và ý nghĩa chính sách* được tổ chức không phải nhằm mục đích thảo luận vấn đề phát triển sắn hiện nay là tốt hay xấu, mà thông điệp chính là đưa các bên liên quan có thể cùng ngồi lại xác định vấn đề, mục tiêu (cho dù có mâu thuẫn), để từ đó tìm ra được lời giải cho bài toán cân bằng lợi ích giữa các ngành, cùng hướng tới một sự phát triển hài hòa.

PHỤ LỤC 1: CHƯƠNG TRÌNH TỌA ĐÀM

Thời gian: 13:30 – 17:30, ngày 17 tháng 07 năm 2015

Địa điểm: Khách sạn Trung tâm Phụ nữ và Phát triển, 20 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Thời gian	Nội dung
13:30 – 14:00	Đăng ký đại biểu <i>Trung tâm Con người và Thiên nhiên</i>
14:00 – 14:30	Phát triển sản và bảo vệ rừng ở Việt Nam: Vài nét tổng quan <i>Tô Xuân Phúc, Forest Trends</i>
14:30 – 15:00	Phát triển sản và bảo vệ rừng: Góc nhìn thực tế <i>Nguyễn Hải Vân, Trung tâm Con người và Thiên nhiên</i>
15:00 – 15:15	Nghỉ giữa giờ
15:15 – 16:00	Phần chia sẻ của các chuyên gia: <ul style="list-style-type: none">○ Đại diện Hiệp hội Sản Việt Nam○ Đại diện Sở NN&PTNT các tỉnh Điện Biên, Lào Cai và Phú Thọ○ Ông Nguyễn Trí Ngọc, nguyên Cục trưởng Cục Trồng trọt, Bộ NN&PTNT, Tổng Thư ký Tổng Hội nông nghiệp Việt Nam○ Đại diện Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách công nghiệp, Bộ Công thương
16:00 – 17:00	Trao đổi diễn giả và khách mời
17:00-17:10	Tổng kết tọa đàm <i>Trung tâm Con người và Thiên nhiên</i>

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐẠI BIỂU THAM DỰ

(File đính kèm báo cáo)

PHỤ LỤC 3: Danh sách các bài trình bày và tham luận

Phát triển sản và bảo vệ rừng ở Việt Nam: Vài nét tổng quan

Tô Xuân Phúc, Forest Trends

Mối quan hệ bất hòa? Phát triển sản – sinh kế người dân và tài nguyên rừng

Nguyễn Hải Vân, Nguyễn Xuân Lâm & Nguyễn Việt Dũng

Phát triển sản và bảo vệ rừng ở Việt Nam: Chính sách quốc gia, thị trường quốc tế và sinh kế người dân

Tô Xuân Phúc, Forest Trends

Sinh kế cây sản vs giấc mơ carbon REDD+, nghiên cứu trường hợp tại xã Hiếu, huyện Kon Plong (Kon Tum)

Nguyễn Hải Vân & Nguyễn Việt Dũng, Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Vai trò tiên phong của sản trong quá trình xâm lấn đất rừng, nghiên cứu trường hợp tại Khu BTTN Núi Ông, tỉnh Bình Thuận

Nguyễn Hải Vân, Nguyễn Xuân Lâm & Nguyễn Việt Dũng, Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Tình hình phát triển cây sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Đại diện Sở NN&PTNT các tỉnh Kon Tum, Đắk Nông, Bình Thuận

PHỤ LỤC 4: TIN BÀI LIÊN QUAN ĐẾN TỌA ĐÀM

1. http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/Preview/PrintPreview.aspx?co_id=10004&cn_id=724014
2. <http://www.baohaiquan.vn/Pages/Huong-sang-Trung-Quoc-xuat-khau-san-ca-nam-uoc-dat-tren-13-ty-USD.aspx>
3. <http://baocongthuong.com.vn/tim-giai-phap-phat-trien-cay-san-ben-vung.html>
4. <http://www.danviet.vn/nha-nong/trong-san-gan-voi-bao-ve-rung-615343.html>
5. <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/xa-hoi/2015-07-17/nganh-nong-nghiep-de-nghi-ngan-chan-tinh-trang-san-can-rung-22805.aspx>
6. <http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-vn/61/43/kinh-te-xa-hoi/san-can-rung/370528.html>
7. <http://haiquanbinhduong.gov.vn/Default.aspx?p=dtnews&type=1&newsid=13180>
8. http://kiemlam.org.vn/diembao.asp?D=28&M=07&Y=2015#_Toc425850548
9. <http://tongcuclamnghiep.gov.vn/diem-bao/diem-tin-ngay-22-07-2015-a2616>
10. Thời báo kinh tế Việt Nam, số 172 – thứ hai, ngày 20/7/2015
<http://baogiaiy.vneconomy.vn/Data/thoi-bao-kinh-te-viet-nam/20-07-2015/Processed/files/assets/basic-html/page14.html>

Sắn làm rừng cần cỗi

Cần hài hòa chính sách, thị trường và sinh kế

Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) và Tổ chức Forest Trends vừa tổ chức tọa đàm chính sách "Phát triển sắn và bảo vệ rừng ở Việt Nam: thực trạng và ý nghĩa về chính sách".

Chu Khôi

■ Bà Trần Ngọc Yến, Giám đốc Công ty AgroMonitor cho biết, sản lượng sắn tăng liên tục. Năm 2000 cả nước thu hoạch 1,9 triệu tấn, đến năm 2012 đạt khoảng 10 triệu tấn và năm 2014 đạt 10,36 triệu tấn. Năm 2014 lượng sắn lát xuất khẩu tương đương với 3,34 tấn củ tươi; lượng tinh bột xuất khẩu tương đương 5,74 tấn củ tươi. Trong những năm gần đây, sắn đã lọt vào nhóm 10 loại mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỉ USD/năm.

Diện tích tăng vượt quy hoạch

TS.Tô Xuân Phúc (Forest Trends) cho hay, ngành sắn vẫn đang trên đà phát triển cả về mặt diện tích và quy mô chế biến. Những động lực từ thị trường đem lại, đặc biệt là xuất khẩu, trong khi khâu chế biến yêu cầu vốn đầu tư ít, hiệu quả quay vòng vốn nhanh so với các loại hàng hóa nông sản khác đã khiến nông dân nhiều nơi ồ ạt mở rộng diện tích trồng sắn.

Việc đổi mới, chấn chỉnh phương cách, thái độ phục vụ người bệnh là nhu cầu thiết yếu, liên quan đến sự tồn tại

Diện tích trồng sắn tăng rất nhanh, từ 550.600 ha năm 2012 đến năm 2014 đạt 560.000 ha. Diện tích thực tế cao hơn 100.000 ha so với kế hoạch của Chính phủ. Diện tích tăng mạnh nhất là ở Tây Nguyên đạt gần 150.000 ha, tăng gấp 4 lần so với năm 2000. Đây cũng là nơi có tỉ lệ hộ nghèo cao nhất và tỉ lệ mất rừng cao nhất trong cả nước. Ông Nguyễn Minh Tiến, Phó chủ tịch Hiệp hội sắn Việt Nam cho biết hiện có chưa tới 1/3 số nhà máy chế biến sắn có quy hoạch cho vùng nguyên liệu, hầu hết các nhà máy có công suất vượt so với thiết kế. Lợi nhuận bình quân thu được từ cả phê khoảng 50-70 triệu đ/năm, cao su 30-45 triệu, trong khi sắn chỉ đạt 20-30 triệu. Vì vậy, rất ít hộ chuyển từ tiêu, cà phê, điều, cao su... sang trồng sắn. Cần phải xem diện tích trồng sắn tăng lên là lấy đất từ đâu?

Ông Đỗ Ngọc Duyên, Giám đốc Sở NN&PTNT tỉnh Đắk Nông nhận định, chính quyền địa phương các tỉnh Tây Nguyên không ưu tiên phát triển sắn, bởi theo họ sắn không có lợi thế về kinh tế, lại là cây làm thoái hóa đất rất nhanh. Thực tế cho thấy, năng suất sắn trồng trên cùng một diện tích có xu hướng giảm dần. Năm 2005 năng suất sắn bình quân của tỉnh Đắk Nông khoảng 25,5 tấn/ha, năm 2013 còn 16,4 tấn. Bình quân sau mỗi năm canh tác năng suất sắn giảm



Tây Nguyên có diện tích trồng sắn tăng mạnh nhất đạt gần 150.000 ha

lấn thùa. Tuy nhiên nông dân vẫn thích trồng sắn, vì so với các loại cây trồng khác, sắn là loại cây có lợi thế vượt trội bởi ngắn ngày, có thể canh tác trên các địa hình dốc, tăng canh tác mùa. Sắn cũng là cây không đòi hỏi kỹ thuật canh tác cao, chi phí đầu tư thấp, phù hợp với trình độ canh tác của đồng bào dân tộc.

Trồng sắn... mất rừng

Nguồn đất dành cho mở rộng diện tích sắn là đất rừng, nương rẫy cũ của các hộ và đất chuyển đổi mục đích, từ các loại cây trồng khác. Tuy nhiên, chủ yếu diện tích sắn mới được mở rộng trong những năm gần đây nguồn gốc từ các diện tích rừng do chủ rừng nhà nước và chính quyền xã quản lý.

Bà Nguyễn Hải Vân, đại diện PanNature chỉ rõ sắn là "hủ phàm" trong quá trình xâm lấn đất rừng, khi nghiên cứu tại Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTNN) Núi Ông, tỉnh Bình Thuận. Trong giai đoạn 2003 - 2014, có 2.218,73 ha đất lâm nghiệp trong ranh giới KBTNN, thuộc huyện Tân Linh đã bị phá và biến mất. Nguyên nhân chính được cho là người dân tự ý chuyển đổi để lấy đất trồng cao su, sắn. Ở xã Gia Huynh, nơi có cơ sở chế biến tinh bột sắn, diện tích rừng và đất lâm nghiệp bị phá để lấy đất canh tác là 968,47 ha, trong đó diện tích bị chặt phá hoàn toàn tới 624,38 ha. Hiện diện tích sắn ở huyện Tân Linh 3000 - 4000 ha. Nhu cầu về đất trồng sắn tăng cao cũng động lực về sinh

kế đã khiến người dân tiếp tục khai hoang, phá rừng. Ông Nguyễn Việt Dũng, Phó GD PanNature cho rằng, Việt Nam hiện đang tham gia Sáng kiến toàn cầu về REDD+, với mục tiêu giải quyết hiệu quả các nguyên nhân gây mất rừng và suy thoái rừng. Từ đó góp phần giảm phát thải ở cấp quốc gia nơi riêng và toàn cầu nói chung.

Chính phủ đã xác định 4 nguyên nhân cơ bản làm mất rừng và suy thoái rừng, trong đó xác định việc chuyển đổi rừng sang cây nông nghiệp là nguyên nhân quan trọng nhất. Để thực hiện REDD+ hiệu quả, đặc biệt ở những nơi còn các diện tích rừng đang quản lý bởi các công ty lâm nghiệp và các ban quản lý rừng, nơi tỷ lệ hộ nghèo còn cao như vùng Tây Nguyên đòi hỏi các bên liên quan quan tâm một cách đúng mức đến sự phát triển của cây sắn, quan hệ tương tác giữa trồng sắn và bảo vệ rừng. Muốn vậy, cần quan tâm đến việc tạo kết nối với các cơ sở nghiên cứu khoa học, nhằm giới thiệu các giống sắn mới cho người dân, góp phần đẩy nhanh năng suất trên một đơn vị diện tích, thay vì hình thức canh tác quảng canh chủ đạo như hiện nay. Ngành sắn cần được định vị đúng trong bối cảnh môi trường quan hệ giữa thị trường, các cơ chế chính sách và sinh kế cho những người dân nghèo sống lệ thuộc vào rừng.

trên thực tế rất khó thực hiện bởi mẫu chốt là thay đổi nhận thức từ thái độ "ban ơn" sang phục vụ người bệnh. Khi nhận thức thay

Để người bệnh hài lòng

Bớt lo

Tuần qua, chỉ điểm với lực Hy Lạp và chỉ thuận cứu từ rơi vào tình vực đóng tế

■ Tình cả tu 1,8%, S&P tăng 4,25%, tuần, chỉ số tiên ngoạn m mạnh sau b cao hơn đ Composite t 0,9%, lên 5,2 Google tăng tìm kiếm tr tăng mạnh s nhuần cao h tăng 2,35 đ 2.126,64 đ Jones lại gi xuống 18,08

Số liên c Thường mại công xây đư lên 1,17 triệu trong tháng t Bộ Lao động chỉ số niêm học Michiga 93,3 điểm từ

Trong kh y của giới t Trung Quốc Trung Quốc ổn định thị tr vốn đang de kinh tế.

Theo đó, khoản Trung số tiền này

